TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 06-Phòng KT An toàn và BHLĐ

Tháng 5 năm 2018

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương 100%		Học ngoài giờ		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**70**		**33.614.000**	**6**	**2.268.000**	**3**	**757.192**	**22**	**5.447.961**	**42.087.153**	**1.574.900**	**295.300**	**196.900**	**420.900**	**165.000**		**2.653.000**	**39.434.153**	
1	HL-00117	Đỗ Văn Đại	Trưởng phòng	6.649.000	25	A	14.817.254			1	255.731	11	2.813.038	17.886.023	531.900	99.700	66.500	178.900	55.000		932.000	16.954.023	
2	HL-02795	Vũ Quang Hiếu	Phó phòng	6.228.000	19	A	7.936.404	6	2.268.000	1	239.538	11	2.634.923	13.078.865	498.200	93.400	62.300	130.800	55.000		839.700	12.239.165	
3	HL-03678	Phạm Khắc Phan	Phó phòng	6.810.000	26	A	10.860.342			1	261.923			11.122.265	544.800	102.200	68.100	111.200	55.000		881.300	10.240.965	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**92**		**28.672.211**			**4**	**825.614**	**22**	**4.465.577**	**33.963.402**	**1.717.300**	**321.900**	**214.700**	**339.600**	**220.000**		**2.813.500**	**31.149.902**	
4	HL-00877	Đậu Anh Tú	Chuyên viên	5.149.000	22	A	6.933.000			1	198.038	11	2.178.423	9.309.461	411.900	77.200	51.500	93.100	55.000		688.700	8.620.761	
5	HL-00978	Chu Quang Nam	Chuyên viên	5.149.000	22	A	6.933.000			1	198.038			7.131.038	411.900	77.200	51.500	71.300	55.000		666.900	6.464.138	
6	HL-03553	Ngô Văn Hòe	Chuyên viên	5.406.000	22	A	6.933.000			1	207.923	11	2.287.154	9.428.077	432.500	81.100	54.100	94.300	55.000		717.000	8.711.077	
7	HL-00311	Ngô Văn Khánh	Chuyên viên	5.762.000	26	A	7.873.211			1	221.615			8.094.826	461.000	86.400	57.600	80.900	55.000		740.900	7.353.926	
3	**10**	**Tổ giám sát an toàn**			**313**		**89.188.789**	**9**	**2.403.000**	**25**	**4.686.767**	**11**	**2.287.154**	**98.565.709**	**5.265.300**	**987.400**	**658.200**	**985.800**	**715.000**	**360.325**	**8.972.025**	**89.593.684**	
8	HL-01392	Đỗ Văn Hưởng	Giám sát viên AT	5.406.000	22	A	6.933.000			1	207.923	11	2.287.154	9.428.077	432.500	81.100	54.100	94.300	55.000		717.000	8.711.077	
9	HL-03935	Bùi Công Thìn	Giám sát viên AT	5.762.000	26	A	7.157.465			1	221.615			7.379.080	461.000	86.400	57.600	73.800	55.000		733.800	6.645.280	
10	HL-05178	Trần Văn Quân	Giám sát viên AT	4.670.000	20	A	5.505.742			7	1.257.308			6.763.050	373.600	70.100	46.700	67.600	55.000		613.000	6.150.050	
11	HL-02007	Trần Văn Hùng	Giám sát viên AT	5.677.000	17	A	4.679.881	9	2.403.000	1	218.346			7.301.227	454.200	85.200	56.800	73.000	55.000		724.200	6.577.027	
12	HL-02657	Hoàng Văn Hậu	Giám sát viên AT	4.670.000	20	A	5.505.742			7	1.257.308			6.763.050	373.600	70.100	46.700	67.600	55.000		613.000	6.150.050	
13	HL-00838	Nguyễn Khắc Phúc	Giám sát viên AT	5.149.000	26	A	7.157.465			1	198.038			7.355.503	411.900	77.200	51.500	73.600	55.000		669.200	6.686.303	
14	HL-00792	Nguyễn Xuân Hưng	Giám sát viên AT	4.300.000	26	A	7.873.211			1	165.385			8.038.596	344.000	64.500	43.000	80.400	55.000		586.900	7.451.696	
15	HL-04145	Trần Quang Duy	Giám sát viên AT	5.149.000	26	A	7.157.465			1	198.038			7.355.503	411.900	77.200	51.500	73.600	55.000		669.200	6.686.303	
16	HL-04144	Phạm Kiên Quyết	Giám sát viên AT	5.149.000	26	A	7.873.211			1	198.038			8.071.249	411.900	77.200	51.500	80.700	55.000		676.300	7.394.949	
17	HL-04394	Nguyễn Văn Mạnh	Giám sát viên AT	4.904.000	26	A	7.157.465			1	188.615			7.346.080	392.300	73.600	49.000	73.500	55.000		643.400	6.702.680	
18	HL-04402	Lưu Văn Hiệu	Giám sát viên AT	4.904.000	26	A	7.157.465			1	188.615			7.346.080	392.300	73.600	49.000	73.500	55.000		643.400	6.702.680	
19	HL-01635	Lê Xuân Trường	Giám sát viên AT	4.670.000	26	A	7.157.465			1	179.615			7.337.080	373.600	70.100	46.700	73.400	55.000		618.800	6.718.280	
20	HL-02916	Trần Văn Quý	Giám sát viên AT	5.406.000	26	A	7.873.211			1	207.923			8.081.134	432.500	81.100	54.100	80.800	55.000	360.325	1.063.825	7.017.309	
Tổng cộng					**475**		**151.475.000**	**15**	**4.671.000**	**32**	**6.269.573**	**55**	**12.200.692**	**174.616.264**	**8.557.500**	**1.604.600**	**1.069.800**	**1.746.300**	**1.100.000**	**360.325**	**14.438.525**	**160.177.739**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 6 năm 2018

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	P.KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**